


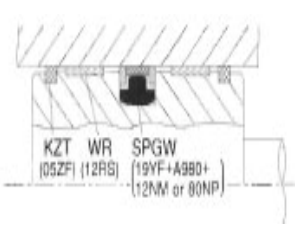
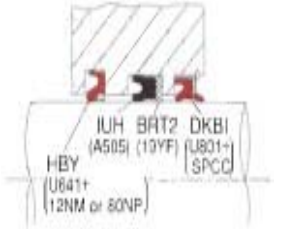
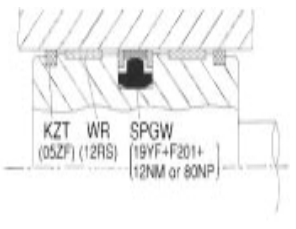
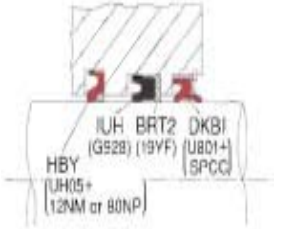
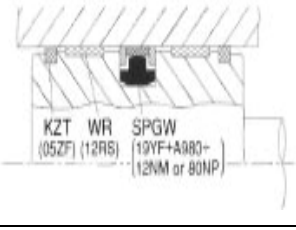
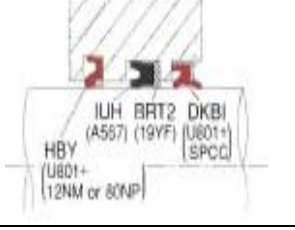
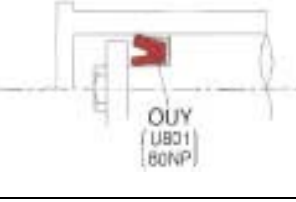
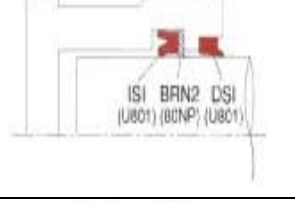


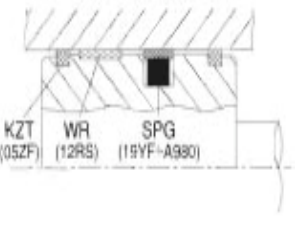
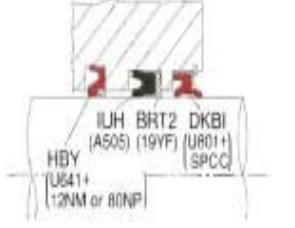
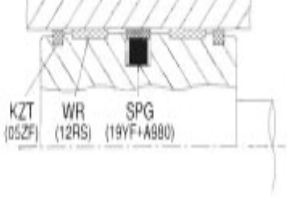
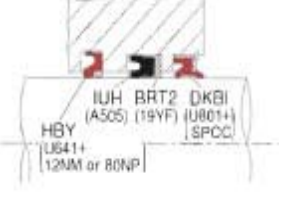






**Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị**

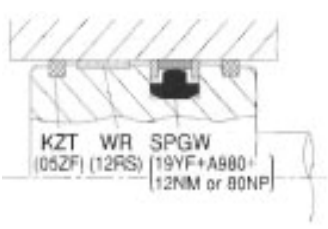
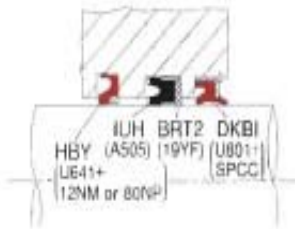

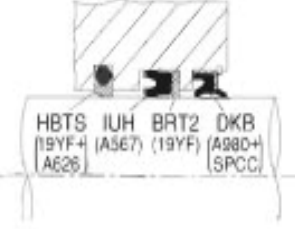
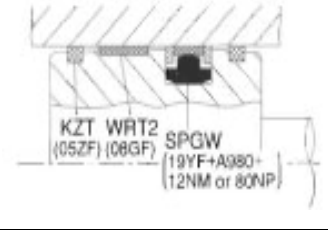
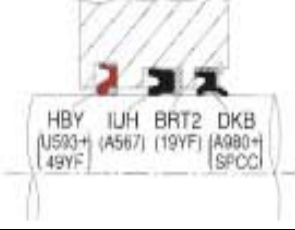

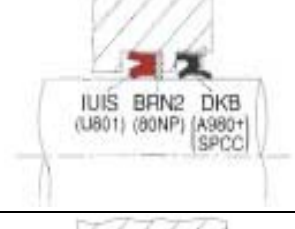
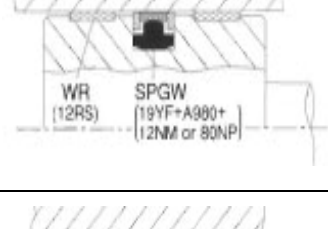
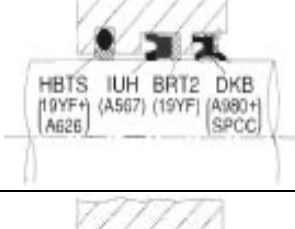
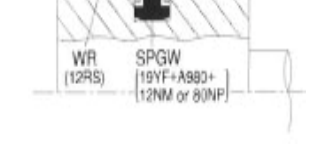
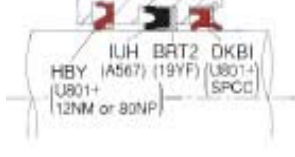
Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <b>Máy xúc đào</b>	<b>Xylanh cần nâng</b> <b>Xylanh cánh tay cần nâng</b> <b>Xylanh gầu</b>	<b>Đặc tính tiêu chuẩn</b> 0 ~ 34.3MPa { 0 ~ 350kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100 °C
		<b>Đặc tính chịu nhiệt độ cao</b> 0 ~ 34.3MPa { 0 ~ 350kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 120 °C
		<b>Đặc tính chịu lạnh</b> 0 ~ 34.3MPa { 0 ~ 350kgf/cm <sup>2</sup> } - 50 ~ 80 °C
	<b>Xylanh điều chỉnh</b> <b>(Xylanh bơm mỡ)</b>	0 ~ 78.5 MPa { 0 ~ 800kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100 °C
 Thiết bị thi công mini      máy xúc đào nghịch mini	<b>Xylanh cần nâng</b> <b>Xylanh cánh tay cần nâng</b> <b>Xylanh gầu</b> <b>Xylanh lưới xúc</b>	0 ~ 20.6 MPa { 0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100 °C
 <b>Máy xúc lật bánh lốp</b>	<b>Xylanh nâng</b> <b>Xylanh gầu</b>	0 ~ 20.6 MPa { 0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100 °C
	<b>Xylanh cơ cấu lái</b>	0 ~ 20.6 MPa { 0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100 °C







## Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị

Hệ thống làm kín quả pitông	Đặc điểm	Hệ thống làm kín cán pitông	Đặc điểm
	Các vật liệu được chọn có tuổi thọ cao, dùng cho các điều kiện làm việc khắc nghiệt. Kiểu SPGW sử dụng cho áp suất cao và kiểu KZT để loại bỏ các vật lạ có trong dầu và làm kín dầu thủy lực để ngăn ngừa hư hại do nén đoạn nhiệt (adiabatic compression).		Kiểu HBY được sử dụng để kéo dài tuổi thọ của phớt cán pitông. Cao su nitrile của kiểu phớt (A505) có khả năng chịu dầu tốt, cùng với vòng chặn phía sau kiểu (19YF) được sử dụng làm phớt cán pitông.
	Cao su Fluoro (F20t) được sử dụng cho vòng chặn sau phớt kiểu SPGW giúp tăng khả năng chịu nhiệt độ cao khi vận hành.		Cao su - sắt chịu nhiệt (UH05) được sử dụng cho kiểu HBY, và cao su nitrile (G928) hydro hóa được dùng cho phớt cán pitông. Hiện tượng lau sạch dầu có thể ngăn ngừa bằng cách sử dụng kiểu gioăng phớt DKBI.
	Vật liệu tiêu chuẩn dùng cho vòng chặn sau phớt của kiểu gioăng phớt SPGW là cao su nitrile có khả năng chịu lạnh.		Cao su Nitrile chịu nhiệt độ thấp (A567) được sử dụng trên kiểu gioăng phớt kiểu IUH.
	Kiểu phớt đặc biệt OUY cho quả pitông được sử dụng để có thể vận hành với hành trình cực ngắn dưới áp suất cao (với điều kiện hoạt động tương tự, màng dầu có thể bị hư hại nếu sử dụng phớt làm kín thông thường).		Do phạm vi nhỏ của áp suất vận hành, kiểu ISI được sử dụng kết hợp với vòng chặn sau phớt bằng nhựa polyamide (80NP) với khả năng chịu ép cao.
	Kiểu gioăng phớt nhỏ gọn SPG được sử dụng cho áp suất trung bình. Hai phớt kiểu WR được sử dụng để ngăn chặn hình thành lõm giữa quả pitông và ống xylanh, gây ra bởi lực tác động ngang đối với điều kiện vận hành tương tự.		Để ngăn ngừa trôi phớt, vòng chặn phía sau phớt được lắp đặt đối với kiểu phớt IUIS. Để ngăn ngừa dầu bị lau sạch, phớt chắn bụi kiểu DKBI được sử dụng.
	Kiểu gioăng phớt nhỏ gọn SPG được sử dụng cho áp suất trung bình. Đối với xylanh nâng cần và xylanh điều khiển gầu cần đến đặc tính chịu nhiệt độ cao, vật liệu cao su fluoro (F201) được dùng làm vòng chặn sau phớt. Đối với xylanh cơ cấu trợ lực lái cần đến khả năng chịu nhiệt độ thấp, cao su nitrile (A980) được sử dụng.		Để ngăn ngừa nhiệt năng tăng lên, sinh ra do trượt, ở gioăng phớt, kiểu HBY (U641 + 80NP) được sử dụng. Đối với kiểu IUH, cao su Nitrile (A505) được sử dụng làm vật liệu.
			Do phạm vi rộng của áp suất vận hành, kiểu gioăng phớt HBY (U641 + 80NP) được sử dụng. Đối với kiểu IUH, cao su Nitrile (A505) được sử dụng làm vật liệu.

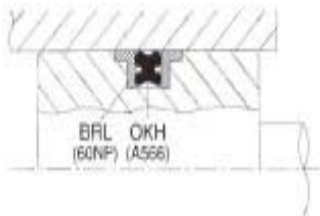
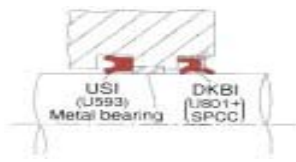
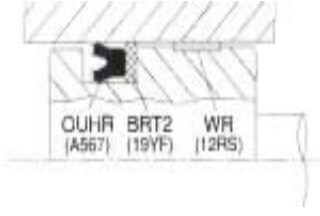
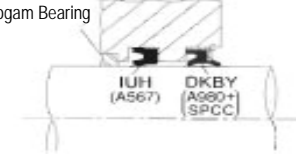
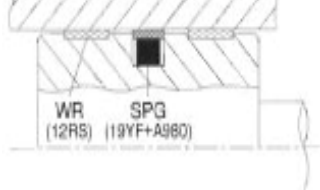
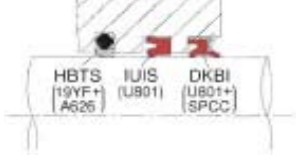
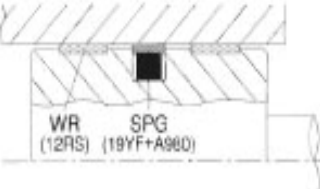
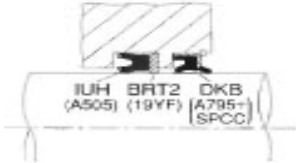
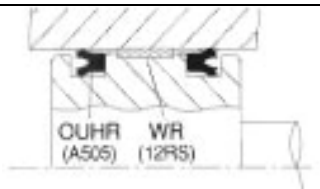
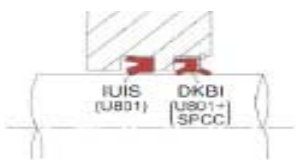
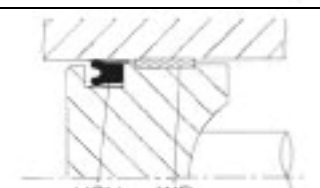
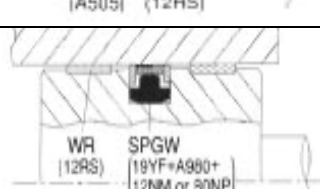

Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <b>Máy ủi</b>	<b>Xylanh nâng cày</b> <b>Xylanh điều khiển lưỡi ủi</b>	0 ~ 34.3MPa { 0 ~ 350 kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100°C
 <b>Ô tô tải cầu</b>   <b>Xe cầu nhỏ</b>	<b>Xylanh cần trục derrick</b> <b>Xylanh điều khiển ống lồng</b> <b>Xylanh kéo trượt</b>	0 ~ 20.6MPa { 0 ~ 210 kgf/cm <sup>2</sup> } - 40 ~ 80°C
		0 ~ 31.4MPa { 0 ~ 320 kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100°C
	<b>Xylanh nâng</b>	0 ~ 31.4MPa { 0 ~ 320 kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100°C
	<b>Xylanh hệ thống treo thủy lực</b>	0 ~ 20.6 MPa { 0 ~ 210 kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100°C
 <b>Xe tải tự đổ</b>	<b>Xylanh ben (nâng hạ thùng)</b>	0 ~ 41.2MPa { 0 ~ 420 kgf/cm <sup>2</sup> } - 50 ~ 100°C

### Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị







Hệ thống làm kín quả pitông	Đặc điểm	Hệ thống làm kín cán pitông	Đặc điểm
 <p>KZT WR SPGW (05ZF) (12RS) (19YF+A980+) (12NM or 80NP)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt SPGW sử dụng cho áp suất cao có va đập và kiểu KZT được sử dụng ở cả hai đầu mút để ngăn ngừa hư hại do nén đoạn nhiệt (adiabatic compression)</p>	 <p>IUH BRT2 DKBI HBY (A505) (19YF) (U801+) L641+ (SPCC) (12NM or 80NP)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt HBY được sử dụng để kéo dài tuổi thọ của phốt cán pitông. Cao su nitrile của kiểu phốt (A505) có khả năng chịu dầu tốt, cùng với vòng chặn phía sau kiểu (19YF) được sử dụng làm phốt cán pitông.</p>
 <p>KZT OUIHR BRT2 WRT2 (05ZF) (A567) (19YF) (08GF)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt OUIHR với đặc tính chống bám dính khi trượt được sử dụng có tính đến điều kiện vận hành có yêu cầu giữ áp suất làm việc trong thời gian dài. Kiểu 08GF có lực cản ma sát nhỏ được sử dụng làm vòng đệm mài mòn.</p>	 <p>HBTS IUH BRT2 DKB (19YF+) (A567) (19YF) (A980+) A626 (SPCC)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt HBTS cũng được sử dụng để ngăn ngừa bám dính khi trượt.</p>
 <p>KZT WRT2 SPGW (05ZF) (08GF) (19YF+A980+) (12NM or 80NP)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt SPGW được sử dụng ở điều kiện vận hành có áp suất cao. Kiểu 08GF được sử dụng để ngăn ngừa hư hại cho gioăng phốt. Với sự kết hợp tất cả của các đặc tính trên đây, hệ thống này rất tuyệt vời cho điều kiện vận hành khắc nghiệt.</p>	 <p>HBY IUH BRT2 DKB (U503+) (A567) (19YF) (A980+) 49YF (SPCC)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt HBY với thiết kế đặc biệt, hấp thụ sóng áp suất, đảm bảo tuổi thọ cao cho gioăng phốt cán pitông.</p>
 <p>KZT OUIS BRT2 WR (05ZF) (U801) (19YF) (12RS)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt OUIS được sử dụng kết hợp với các vòng chặn sau phốt giúp tăng khả năng làm kín của gioăng phốt.</p>	 <p>IUIS BRT2 DKB (U801) (80NP) (A980+) (SPCC)</p>	<p>Để ngăn ngừa trôi phốt, các vòng chặn sau phốt được lắp đặt cho kiểu IUIS. Kiểu DKB (A980) có đặc tính làm kín tuyệt vời ở nhiệt độ thấp và tính chống lau sạch dầu, được sử dụng làm phốt chắn bụi.</p>
 <p>WR SPGW (12RS) (19YF+A980+) (12NM or 80NP)</p>	<p>Kiểu gioăng phốt SPGW được sử dụng để đáp ứng điều kiện vận hành cần đến độ bền, tuổi thọ cao, chống lại va đập áp suất khi hành trình vận hành cực ngắn.</p>	 <p>HBTS IUH BRT2 DKB (19YF+) (A567) (19YF) (A980+) A626 (SPCC)</p>	<p>Để làm giảm hư hại cho gioăng phốt cán pitông, kiểu HBTS được sử dụng. Kiểu IUH (A567) với khả năng làm kín cao ở nhiệt độ thấp cũng được sử dụng.</p>
 <p>WR SPGW (12RS) (19YF+A980+) (12NM or 80NP)</p>	<p>Đối với điều kiện vận hành cần đến áp suất cực cao, kiểu gioăng phốt SPGW được sử dụng. Hai phốt kiểu WR được sử dụng do có lực tác dụng ngang đặc trưng cho những điều kiện vận hành như vậy.</p>	 <p>IUH BRT2 DKBI HBY (A567) (19YF) (U801+) (U801+ (SPCC) (12NM or 80NP)</p>	<p>Khi tính đến áp suất vận hành cực cao, kiểu gioăng phốt HBY được sử dụng để giảm hư hại cho gioăng phốt cán pitông. Kiểu IUH (A567) với khả năng làm kín cao ở nhiệt độ thấp được sử dụng.</p>

Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <b>Xe nâng chuyển</b>  <b>Xe nâng điện</b>	<b>Xylanh nghiêng càng</b>	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100℃
	<b>Xylanh nâng (với đặc tính kỹ thuật ở nhiệt độ thấp)</b>	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 55 ~ 80℃
	<b>Xylanh cơ cầu lái</b>	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100℃
 <b>Xe ép rác</b>	--	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100℃
 <b>Máy gạt đập liên hợp</b>  <b>Máy kéo nông nghiệp</b>	<b>Xylanh tác dụng hai chiều</b>	0 ~ 13.7MPa {0 ~ 140kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100℃
	<b>Xylanh tác dụng một chiều</b>	0 ~ 13.7MPa {0 ~ 140kgf/cm <sup>2</sup> } - 30 ~ 100℃
 <b>Máy ép</b>	--	0 ~ 27.5MPa {0 ~ 280kgf/cm <sup>2</sup> } - 10 ~ 80℃

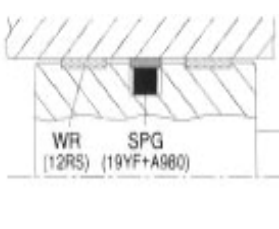
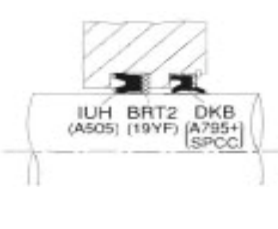
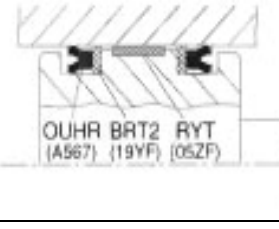
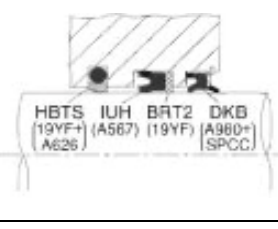
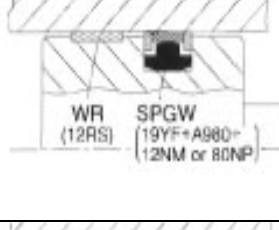
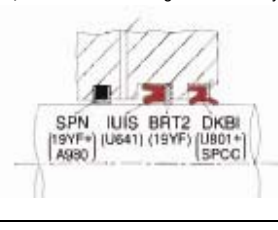

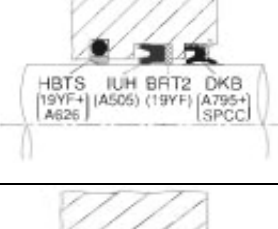
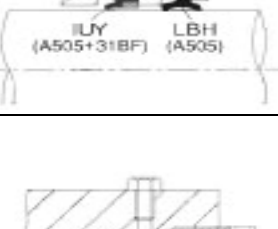

### Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị

Hệ thống làm kín quả pitông	Đặc điểm	Hệ thống làm kín cán pitông	Đặc điểm
 BRL OKH (60NF) (A566)	Kiểu gioăng phớt nhỏ gọn OKH đảm bảo lắp ráp dễ dàng và khả năng làm kín cao.	 USI (U593) Metal bearing DKBI (U801+) (SPCC)	Sử dụng phối hợp kiểu gioăng phớt USI và DKBI để có hệ thống làm kín nhỏ gọn.
 OUHR BRT2 WR (A567) (19YF) (12RS)	Kiểu gioăng phớt OUHR được sử dụng do việc duy trì màng dầu là quan trọng đối với các xylanh tác động một chiều tương tự như vậy.	 Logam Bearing IUH (A567) DKBY (A560+) (SPCC)	Kiểu gioăng phớt IUH được sử dụng kết hợp với kiểu DKBY, do loại dầu thủy lực nạp cho xylanh tác dụng một chiều.
 WR SPG (12RS) (19YF+A980)	Kiểu gioăng phớt SPG có thể sử dụng cho điều kiện vận hành cần đến hành trình làm việc cực ngắn.	 HBTS (19YF+) (A526) IUIS (U801) DKBI (U801+) (SPCC)	Kiểu gioăng phớt HBTS được sử dụng cho các vòng tạo đệm (buffer rings) bởi vì hệ thống gioăng phớt này được sử dụng ở các điều kiện kín.
 WR SPG (12RS) (19YF+A980)	Kiểu gioăng phớt SPG với độ bền, tuổi thọ cao, được sử dụng. Hai gioăng phớt kiểu WR được sử dụng để ngăn chặn hình thành lõm giữa pitông và ống xylanh, gây ra bởi lực tác động ngang lớn điển hình đối với điều kiện vận hành tương tự như vậy.	 IUH BRT2 DKBI (A505) (19YF) (A795+) (SPCC)	Gioăng phớt làm kín và phớt chắn bụi bằng cao su nitrile được sử dụng.
 OUHR WR (A505) (12RS)	Gioăng phớt làm kín bằng cao su nitrile được sử dụng.	 IUIS (U801) DKBI (U801+) (SPCC)	Kiểu gioăng phớt DKBI với các đặc tính chống bụi cao được sử dụng làm các phớt chắn bụi.
 USH WR (A505) (12RS)	Do điều kiện vận hành ít khắc nghiệt hơn, chủ yếu gioăng phớt O-ring được sử dụng, nhưng kiểu gioăng phớt USH được khuyến dùng để cải thiện độ bền.	---	--
 WR SPGW (12RS) (19YF+A980+) (12NM or 30NP)	Kiểu gioăng phớt SPGW được sử dụng ở điều kiện áp suất va đập và cho nhu cầu tuổi thọ, độ bền cao.	Vị trí xả : dẫn đến thùng chứa dầu thủy lực  SPN (19YF+) (U641) (19YF) (U801+) (A980) IUIS (U801) BRT2 (19YF) DKBI (U801+) (SPCC)	Kiểu gioăng phớt SPN được sử dụng làm vòng tạo đệm (buffer ring) để giảm va đập mạnh của áp suất. Dầu thủy lực rò rỉ hồi về thùng chứa dầu thông qua hệ thống xả dầu bị rò rỉ.

**E**  
 CÁC VÍ DỤ MẪU VỀ  
 ỨNG DỤNG GIOĂNG  
 PHỚT NOK




Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <b>Robot</b>	--	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> }  - 10 ~ 80℃
 <b>Thang nâng hạ</b>	--	0 ~ 20.6MPa {0 ~ 210kgf/cm <sup>2</sup> }  - 30 ~ 80℃
 <b>Máy đúc phun áp lực</b>	--	0 ~ 31.4MPa {0 ~ 320kgf/cm <sup>2</sup> }  - 10 ~ 100℃
 <b>Thiết bị nâng dùng cho bãi đỗ xe nhiều tầng</b>	--	0 ~ 13.7MPa {0 ~ 140kgf/cm <sup>2</sup> }  - 30 ~ 100℃
 <b>Thang nâng thủy lực</b>	--	0 ~ 4.9MPa {0 ~ 50kgf/cm <sup>2</sup> }  - 20 ~ 80℃
 <b>Bơm plunger</b>	--	0 ~ 13.7MPa {0 ~ 140kgf/cm <sup>2</sup> }  - 10 ~ 80℃

### Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị

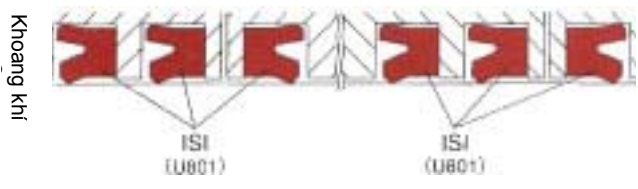
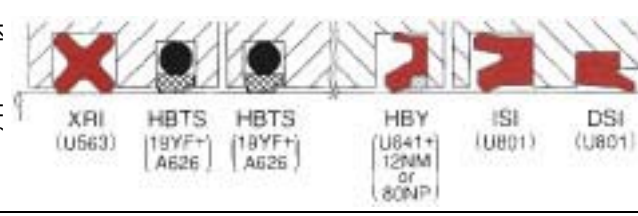
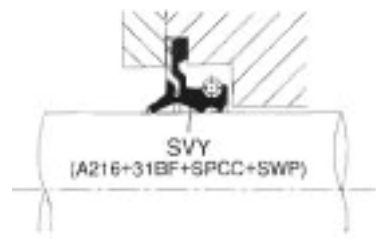
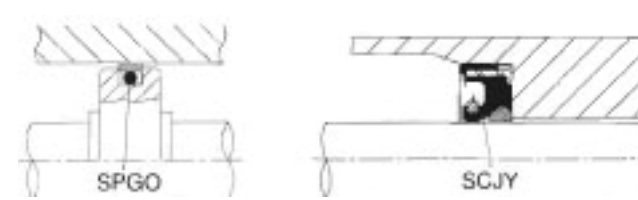
Hệ thống làm kín quả pitông	Đặc điểm	Hệ thống làm kín cán pitông	Đặc điểm
	Gioăng phốt với tuổi thọ cao độ bền cao kiểu SPG được sử dụng. Hai gioăng phốt kiểu WR được sử dụng để ngăn chặn hình thành lõm giữa quả pitông và ống xylanh, gây ra bởi lực tác động ngang lớn điển hình đối với điều kiện vận hành tương tự như vậy.		Gioăng phốt làm kín và phốt chắn bụi bằng cao su nitrile được sử dụng.
	Gioăng phốt kiểu OUHR với đặc tính chống bám dính khi trượt được sử dụng, do có tính đến điều kiện vận hành cần duy trì áp suất làm việc trong một thời gian dài. Kiểu 05ZF có lực cản ma sát nhỏ được sử dụng làm vòng đệm mài mòn.		Gioăng phốt kiểu HBTS được sử dụng để ngăn ngừa sự bám dính khi trượt.
	Gioăng phốt kiểu SPGW được sử dụng, do điều kiện vận hành tương tự như vậy chủ yếu được thực hiện dưới áp suất cao, yêu cầu về độ bền, tuổi thọ. Gioăng phốt kiểu này cũng có tuổi thọ tuyệt vời dùng cho các điều kiện vận hành yêu cầu có hành trình cực ngắn.	Vị trí xả : dẫn đến thùng chứa dầu thủy lực 	Gioăng phốt kiểu SPN được sử dụng làm vòng đệm (buffer rings) để làm giảm va đập áp suất cao. Dầu rò rỉ (màng dầu) được hồi về thùng chứa dầu thủy lực thông qua hệ thống xả dầu bị rò rỉ.
	Gioăng phốt độ bền cao kiểu SPG được sử dụng. Kiểu vật liệu 05ZF có sức cản ma sát thấp được sử dụng làm vật liệu cho vòng đệm mài mòn.		Gioăng phốt kiểu HBTS được sử dụng để ngăn ngừa bám dính khi trượt.
--	--		Gioăng phốt kiểu IUJ (có hình dạng đặc biệt) được sử dụng làm gioăng phốt làm kín để ngăn ngừa bám dính khi trượt. Rareflon được đúc liền trên lưới gạt của gioăng phốt kiểu IUJ.
--	--		Các gioăng phốt kiểu chữ V làm bằng cao su đệm vải sợi được sử dụng, bởi vì trong các điều kiện vận hành tương tự như vậy, các dung dịch với tính bôi trơn kém, như nước, hóa chất nông nghiệp được sử dụng và tần số vận hành thấp, gioăng phốt chữ V bằng cao su có thể được sử dụng.

**F**  
 CÁC VÍ DỤ MẪU VỀ  
 ỨNG DỤNG GIOĂNG  
 PHỐT NOK







Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <p>Máy đục bê tông thủy lực</p>	-	<p>0 ~ 16.7MPa (0 ~ 170kgf/cm<sup>2</sup>)</p> <p>-30 ~ 100℃</p>
 <p>Cụm van thủy lực</p>	-	<p>0 ~ 0.3MPa (0 ~ 3kgf/cm<sup>2</sup>)</p> <p>-30 ~ 100℃</p>
 <p>Cơ cấu trợ lực lái ô tô</p>	-	<p>0 ~ 8.3MPa (0 ~ 85kgf/cm<sup>2</sup>)</p> <p>-30 ~ 100℃</p>


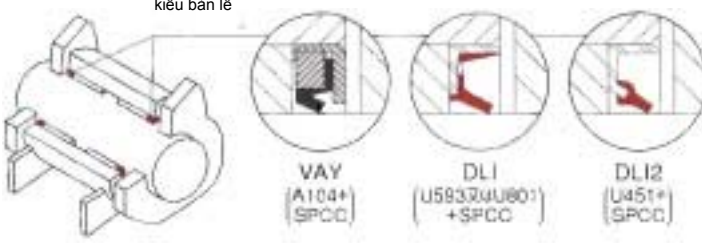
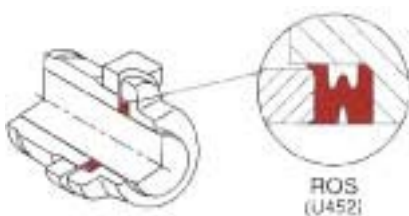
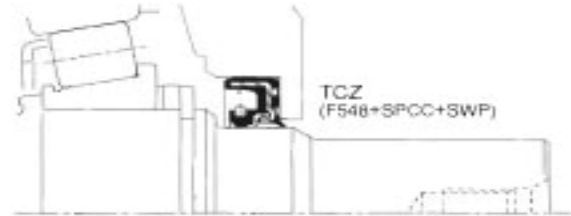
**Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị**

Mặt cắt hệ thống làm kín (phóng to)		Đặc điểm
<p>Khoang khí</p>  <p>ISI (U801)</p> <p>ISI (U801)</p> <p>Phía đục</p>	<p>Gioăng phớt kiểu ISI được sử dụng song song do tốc độ và áp suất cao. Noxlan được dùng làm vật liệu cao su do điều kiện vận hành rất khắc nghiệt.</p>	
<p>Khoang khí</p>  <p>XRI (U563)</p> <p>HBTS (19YF+ A626)</p> <p>HBTS (19YF+ A626)</p> <p>HBY (U841+ 12NM or 80NP)</p> <p>ISI (U801)</p> <p>DSI (U801)</p> <p>Phía đục</p>	<p>Gioăng phớt kiểu HBY được sử dụng làm các phớt thủy lực phía trên để làm giảm ma sát. Kiểu HBTS cũng được sử dụng để hấp thụ áp suất va đập và làm giảm ma sát. Kiểu XRI với đặc tính chịu mài mòn cao được sử dụng làm gioăng phớt khoang khí, để ngăn ngừa dầu bôi trơn bị lau sạch từ phía khoang khí.</p>	
 <p>SVY (A216+31BF+SPCC+SWP)</p>	<p>Gioăng phớt kiểu SVY được sử dụng cho việc giảm ma sát và cho khả năng bám dẫn cao theo độ lệch tâm của lưỡi phớt. Gioăng phớt này có vỏ kim loại kiểu phẳng có gờ chắn bụi để việc thay thế phớt được dễ dàng.</p>	
 <p>SPGO</p> <p>SCJY</p>	<p>Gioăng phớt có độ ma sát nhỏ kiểu SPGO được sử dụng làm gioăng phớt quả pitông để cải thiện khả năng phản hồi của hệ thống. O-ring được sử dụng làm vòng chặn phía sau để cụm quả pitông được nhỏ gọn. Phớt dầu kiểu SCJY với vòng chặn sau phớt dành cho áp suất vận hành cao được sử dụng làm gioăng phớt cán pitông. Phớt này có độ ma sát nhỏ và khả năng làm kín cao.</p>	

**E**  
 CÁC VÍ DỤ MẪU VỀ  
 ỨNG DỤNG GIOĂNG  
 PHỚT NOK

Tên thiết bị	Ứng dụng	Điều kiện vận hành
 <b>Thiết bị thi công</b>	Khớp xoay trung tâm	0 ~ 34.3 MPa (0 ~ 350 kgf/cm <sup>2</sup> )  - 30 ~ 100 °C
 <b>Thiết bị thi công</b>	<b>Chốt thanh liên kết</b> <b>Chốt bản lề</b>	--  30 ~ 100 °C
 <b>Thiết bị thi công</b>	Chốt hệ thống xích bám địa hình	--  - 30 ~ 80 °C
 <b>Thiết bị công nghiệp</b>	<b>Máy bơm</b> <b>Động cơ điện</b> <b>Hộp giảm tốc</b>	Áp suất dao động: Max 2MPa (20 kgf/cm <sup>2</sup> )  - 16 ~ 120°C

## Các ví dụ về ứng dụng trong các thiết bị

Mặt cắt hệ thống làm kín (phóng to)	Đặc điểm
 <p style="text-align: center;"><i>Gioăng phốt cửa xả dầu</i></p>	<p>Rãnh lắp đặt gioăng phốt chủ yếu được tạo ra phía bên rotor. Kiểu gioăng phốt ROI và kiểu SPNRI được sử dụng cho mỗi cửa xả dầu. Các gioăng phốt này có tuổi thọ và khả năng làm kín cao. Để làm kín các cửa xả phốt dầu hoặc O-ring được sử dụng. Phốt này cũng được dùng làm phốt chắn bụi.</p>
<p style="text-align: center;">Phốt chắn bụi cho chốt kiểu bản lề</p> 	<p>Gioăng phốt Kiểu VAY hoặc DLI2, DLI được sử dụng để bảo vệ bạc lót khỏi bụi bẩn. Cơ chế xả dầu mỡ có thể được cung cấp để dùng cho việc thay dầu mỡ định kỳ.</p>
	<p>Gioăng phốt kiểu ROC được sử dụng cho ứng dụng có kiểu chuyển động lấc khứ hồi, để duy trì dầu bôi trơn và ngăn ngừa bụi bẩn lọt vào. Đặc tính làm kín tốt do khả năng chịu mài mòn tuyệt vời, ngay cả trong điều kiện rất khắc nghiệt, có sự tồn tại của bùn, đất, cát v.v...</p>
	<p>Gioăng phốt kiểu TCZ được sử dụng cho ứng dụng có áp suất vận hành cao.</p>

**E**  
 CÁC VÍ DỤ MÀU VẼ  
 ỨNG DỤNG GIOĂNG  
 PHỐT NOK